

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Bản án số: **142/2022/DS-ST**
- Ngày 17 tháng 8 năm 2022
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Liên
2. Bà Bùi Thu Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Đình Th**, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt)

Chị **Võ Thị Lệ D**, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Ấp HTh, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của chị D: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp VTh, xã BNgh, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Bá S**, sinh năm 1976

Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp H Th, xã B Đ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo uỷ quyền của anh S, chị Ch: Anh **Phạm Duy M**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Huệ, khu phố 1, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1957
Địa chỉ: Ấp HTh, xã B Đ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
Đại diện theo uỷ quyền của bà S: Anh **Phạm Duy M**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Huệ, khu phố 1, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

2/ Chị **Nguyễn Thị Phương Th**, sinh năm 1996 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 51/21 Khu phố 1, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

3/ Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hoà Thân, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2022 của nguyên đơn anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của chị D trình bày:*

Ngày 16/10/2018, vợ chồng anh Th chị D có cho vợ chồng anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch vay số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), lãi suất 1,6667%/tháng. Thời gian vay là 01 năm kể từ ngày 16/10/2018. Hết thời hạn vay 01 năm, anh S, chị Ch có năn nỉ anh Th chị D cho gia hạn thêm thời gian 02 năm để có tiền trả nợ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang trước, số tiền nợ anh Th chị D, vợ chồng anh S và chị Ch hứa bán đất sẽ trả nợ. Tiền lãi tính từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2022 là 41 tháng với số tiền: $1.400.000.000 \text{ đồng} \times 1,6667\% \times 41 = 956.685.800 \text{ đồng}$. Trong quá trình vay tiền, anh S và chị Ch có trả lãi cho anh Th chị D nhưng trả không đều. Cụ thể:

- Tháng 4/2019 trả lãi được 14.000.000 đồng;
- Tháng 7/2019 trả lãi được 15.000.000 đồng;
- Tháng 10/2019 trả lãi được 10.000.000 đồng;
- Tháng 8/2020 trả lãi được 10.000.000 đồng;
- Tháng 9/2020 trả lãi được 10.000.000 đồng;
- Tháng 02/2021 trả lãi được 9.000.000 đồng;
- Tháng 04/2021 trả lãi được 5.000.000 đồng;
- Tháng 02/2022 trả lãi được 10.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi đã trả là 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng*).

Như vậy vợ chồng anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch còn nợ anh Th chị D số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 873.685.800 đồng, tổng cộng là 2.273.685.800 đồng. Tuy nhiên đến nay đã hơn 03 năm, anh S, chị Ch đã trả nợ xong cho Ngân hàng nhưng nợ anh Th chị D không trả mặc dù vợ chồng anh Th chị D có nhiều lần đến nhà yêu cầu anh S, chị Ch trả nợ. Do đó, anh Th chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị vấn đề sau:

Buộc anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Th chị D số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 2.273.685.800 đồng. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trịnh Bá S và chị Nguyễn Thị Ch và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Ngày 16/10/2018, vợ chồng anh S, chị Ch có vay của vợ chồng anh Th, chị D số tiền 1.400.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Thời gian vay là 01 năm kể từ ngày 16/10/2018, vợ chồng anh S, chị Ch sẽ trả lại tiền vốn cho anh Th, chị D. Từ khi vay hàng tháng anh S, chị Ch vẫn trả tiền lãi đầy đủ cho vợ chồng chị D. Đến khoảng đầu năm 2020 (không nhớ rõ thời gian), bà Phạm Thị S (mẹ ruột chị Ch) có chuyển nhượng cho vợ chồng chị D diện tích 1.500m² đất lúa với giá 1.500.000.000 đồng, để cản trừ nợ cho anh S, chị Ch số tiền 1.400.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại để chị D làm thủ tục chuyển tên đất. Vợ chồng anh S, chị Ch đã trả tiền xong cho vợ chồng chị D nhưng do sơ ý vợ chồng anh S, chị Ch không lấy hợp đồng vay tiền lại. Nay theo yêu cầu của vợ chồng chị D thì anh S, chị Ch không đồng ý vì anh S, chị Ch đã trả tiền xong cho vợ chồng chị D thông qua việc mẹ chị Ch chuyển nhượng đất cho chị D để cản trừ nợ. Việc anh S, chị Ch trả tiền lãi hàng tháng là 5% cho vợ chồng chị D không có giấy tờ gì chứng minh.

** Theo biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị S trình bày:*

Bà S là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Ch. Việc anh S, chị Ch vay tiền của vợ chồng chị D số tiền bao nhiêu và thời gian vay là khi nào thì bà S không biết rõ. Vào năm 2020, bà S có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D diện tích 1.500m² đất lúa với số tiền 1.500.000.000 đồng để cản trừ nợ cho anh S, chị Ch. Bà S không có nhận tiền chuyển nhượng đất từ vợ chồng anh Th, chị D vì bà S nghĩ số tiền anh S, chị Ch vay của vợ chồng chị D cũng tương đương số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà S đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị D. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng chỉ có bà S và chị D, không có anh S, chị Ch. Anh S, chị Ch nghe bà S nói lại là đã ký hợp đồng chuyển nhượng 1.500m² đất cho chị D để cản trừ nợ cho anh S, chị Ch nên nghĩ đã trả nợ xong và đi ghe.

** Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương Th trình bày:*

Ngày 21/4/2022, chị có mua của anh S, chị Ch hai thửa đất 1437, diện tích 1.871m² và thửa đất 1438, diện tích 1.748m² nhưng bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không sang tên được và chị đã khởi kiện anh S, chị Ch bằng vụ án dân sự khác nên trong vụ án này chị không khởi kiện hay yêu cầu gì.

** Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh V trình bày:*

Ngày 01/6/2022, anh có mua của anh S, chị Ch chiếc tàu nhưng bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không sang tên được và anh đã khởi kiện anh S, chị Ch bằng vụ án dân sự khác nên trong vụ án này anh không khởi kiện hay yêu cầu gì.

*** Tại phiên Toà:**

Đại diện theo uỷ quyền của chị Võ Thị Lệ D vẫn giữ yêu cầu buộc vợ chồng anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch trả cho anh Th, chị D số tiền vay vốn còn nợ là 1.400.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu tiền lãi theo lãi suất 1,66% là 952.840.000 đồng nhưng đã trả tiền lãi là 83.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền lãi là 869.840.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch thừa nhận anh S, chị Ch có vay và nhận đủ số tiền 1.400.000.000 đồng của anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D nhưng đã trả xong thông qua việc bà Phạm Thị S (mẹ ruột của chị Ch) chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị D, anh Th để cản trừ nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị D, anh Th.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

+ *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D với anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch, địa chỉ ấp Hoà Thân, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ *Về số tiền vay:*

Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch thừa nhận có vay và đã nhận đủ số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) của vợ chồng anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D vào ngày 16/10/2018 nhưng đã trả xong thông qua việc bà Phạm Thị S (mẹ ruột của chị Ch) chuyển nhượng diện tích 1.500m² đất lúa cho vợ chồng chị D, anh Th với số tiền 1.500.000.000 đồng để cản trừ nợ cho anh Sơn, chị Ch số tiền 1.400.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại để chị D làm thủ tục chuyển tên đất. Bà S không có nhận tiền chuyển nhượng đất từ vợ chồng anh Th, chị D.

Đại diện theo uỷ quyền của bà S trình bày: Vào năm 2020, bà S có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D diện tích 1.500m² đất lúa với số tiền 1.500.000.000 đồng để cản trừ nợ cho anh S, chị Ch số tiền vay 1.400.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ. Bà S không có nhận tiền chuyển nhượng đất từ vợ chồng anh Th, chị D.

Theo lời khai chị D vào năm 2020, chị có nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị S diện tích 1.500m² đất lúa với số tiền 1.500.000.000 đồng. Chị đã giao đủ số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà Sàng. Bà S đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị và chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có việc thoả thuận cản trừ số tiền nợ 1.400.000.000 đồng cho anh S, chị Ch như anh S, chị Ch, bà S trình bày.

Đại diện theo uỷ quyền của chị D trình bày: Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch thừa nhận có vay và đã nhận đủ số tiền 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) của vợ chồng anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D, không có việc chị D nhận chuyển nhượng đất của bà Sàng để cản trừ nợ cho anh S, chị Ch. Việc anh S, chị Ch, bà S cho rằng có cản trừ nợ nhưng không có sự đồng ý của chị D, anh T và cũng không được chị D, anh Th thừa nhận nên anh Thanh, chị D yêu cầu anh S, chị Ch trả nợ là có cơ sở.

Lời trình bày của anh S, chị Ch, bà S không được chị D thừa nhận, hơn nữa anh S, chị Ch, bà S cũng không có căn cứ gì chứng minh có việc thoả thuận là bà S chuyển nhượng diện tích 1.500m² đất lúa cho chị D để cản trừ số tiền vay 1.400.000.000 đồng của anh S, chị Ch nên anh S, chị Ch có nghĩa vụ trả nợ cho chị D, anh Th.

Bà S cũng đã khởi kiện chị D, anh Th bằng vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

+ Về số tiền lãi:

Đại diện theo uỷ quyền của chị D cho rằng chị D cho anh S, chị Ch vay số tiền 1.400.000.000 đồng, theo đơn khởi kiện anh Th, chị D yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,6667%/tháng, nay thay đổi chỉ yêu cầu trả tiền lãi là 1,66%/tháng, tính tiền lãi từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 3 năm 2022 là 41 tháng, số tiền lãi là 952.840.000 đồng nhưng anh S, chị Ch đã trả tiền lãi được số tiền 83.000.000 đồng nên còn nợ lại anh Th chị D số tiền lãi là 869.840.000 đồng.

Anh S, chị Ch cho rằng số tiền vay 1.400.000.000 đồng, anh, chị trả tiền lãi là 5%/tháng, hàng tháng anh, chị trả tiền lãi đầy đủ là 70.000.000 đồng từ khi vay đến khi bà S chuyển nhượng đất cần trừ nợ xong, anh chị mới ngưng trả tiền lãi cho vợ chồng chị D. Anh, chị trả tiền lãi cho chị D không có viết biên nhận, cũng không có căn cứ gì khác chứng minh.

Lời trình bày của anh S, chị Ch không được chị D thừa nhận và anh S, chị Ch cũng không có căn cứ gì chứng minh.

Xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2018 giữa anh Th, chị D và anh S, chị Ch là thoả thuận vay có lãi. Theo Điều 3 Hợp đồng ghi: Lãi suất do hai bên tự thoả thuận nhưng không vượt quá lãi suất theo quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên theo yêu cầu của anh Th, chị D là có căn cứ.

+ Về thời gian trả nợ:

Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch đã vi phạm thời gian trả nợ nên cần buộc anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch trả cho anh Lê Đình Th, chị Võ Thị Lệ D số tiền vốn 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 869.840.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Thanh V là người mua tài sản bị áp dụng khẩn cấp tạm thời nên không chuyển tên được. Chị Thảo và anh Vũ không có ý kiến hay yêu cầu gì. Chị Th và anh V đã khởi kiện anh S, chị Ch bằng vụ án dân sự khác nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của chị D yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của chị D. Xét thấy yêu cầu này là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí:

Anh Trịnh Bá Sơn, chị Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí theo quy định pháp luật nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã B Đ nên được giảm ½ án phí.

Yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D.

Buộc anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ trả cho anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D số tiền vay vốn còn nợ là 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 869.840.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 4 năm 2022 và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo thi hành án theo yêu cầu của chị Võ Thị Lệ D.

2/ Về án phí:

- Anh Trịnh Bá S, chị Nguyễn Thị Ch phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.698.400 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng*).

- Hoàn lại anh Lê Đình Th và chị Võ Thị Lệ D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.737.000 đồng (*Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số 0006733 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU